

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 194/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11/5/2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn.

2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 190/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 2 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 06/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A đường B, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Tạ Ngọc N1, sinh năm 1976; địa chỉ: Số A đường B, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 01 năm 2026, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đỗ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị N kết hôn với ông Tạ Ngọc N1 trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 01/02/2002 theo trích lục kết hôn số 140/2024/TLKH-BS.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân căng thẳng. Bà N đã nhiều lần tìm cách hàn gắn do không muốn gia đình đổ vỡ nhưng không thành. Nay nhận thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Tạ Ngọc N1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Đỗ Thị N và ông Tạ Ngọc N1 có 4 con chung là Tạ Thị Hồng N2, sinh ngày 28/02/2003; Tạ Thị Cẩm T, sinh ngày 29/04/2005; Tạ Thị Khả Á, sinh ngày 09/06/2012; Tạ Ngọc Đ, sinh ngày 12/01/2014. Sau khi ly hôn bà Đỗ Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung Tạ Thị Khả Á, sinh ngày 09/06/2012 và Tạ Ngọc Đ, sinh ngày 12/01/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung là Tạ Thị Hồng N2, sinh ngày 28/02/2003; Tạ Thị Cẩm T, sinh ngày 29/04/2005 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Bà Đỗ Thị N xác định không yêu cầu ông Tạ Ngọc N1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tạ Ngọc N1 đã được Tòa án tổng đạt bằng hình thức thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật liên quan. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Đỗ Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn tranh chấp, nuôi con đối với bị đơn ông Tạ Ngọc N1. Bị đơn ông Tạ Ngọc N1, sinh năm 1976; địa chỉ: Số A đường B, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Đỗ Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Tạ Ngọc N1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa ngày 06/5/2026 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị N và ông Tạ Ngọc N1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 01/02/2002 theo trích lục kết hôn số 140/2024/TLKH-BS nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Căn cứ ly hôn: Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đỗ Thị N xác định mâu thuẫn vợ chồng là do quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập ông Tạ Ngọc N1 để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông N1 không đến, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa ông N1 và bà N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Đỗ Thị N trình bày quá trình chung sống, vợ chồng có 04 con chung là Tạ Thị Hồng N2, sinh ngày 28/02/2003; Tạ Thị Cẩm T, sinh ngày 29/04/2005; Tạ Thị Khả Á, sinh ngày 09/06/2012; Tạ Ngọc Đ, sinh ngày 12/01/2014. Sau khi ly hôn bà Đỗ Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung Đỗ Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con

chung Tạ Thị Khả Á, sinh ngày 09/06/2012 và Tạ Ngọc Đ, sinh ngày 12/01/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung là Tạ Thị Hồng N2, sinh ngày 28/02/2003; Tạ Thị Cẩm T, sinh ngày 29/04/2005 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm để con chung phát triển tốt về mọi mặt. Quá trình tố tụng, ông Tạ Ngọc N1 không có ý kiến gì về việc yêu cầu nuôi con chung, đồng thời, cháu Tạ Thị Khả Á và cháu Tạ Ngọc Đ có trình bày nguyện vọng được ở với mẹ là bà N nên giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Tòa án giao con chung cho bà Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đỗ Thị N không yêu cầu ông Tạ Ngọc N1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị N về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Tạ Ngọc N1.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị N được ly hôn với ông Tạ Ngọc N1 [đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên (nay là Ủy

ban nhân dân xã H, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 01/02/2002 theo trích lục kết hôn số 140/2024/TLKH-BS].

1.2. Về con chung: Giao 2 con chung tên Tạ Thị Khả Á, sinh ngày 09/06/2012; Tạ Ngọc Đ, sinh ngày 12/01/2014 cho bà Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của bà Đỗ Thị N về việc không yêu cầu ông Tạ Ngọc N1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Đỗ Thị N và ông Tạ Ngọc N1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011235 ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 16 - TPHCM;
- Phòng THADS khu vực 16 - TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hạnh